|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TƯ PHÁP  **VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | BỘ XÂY DỰNG  **VỤ PHÁP CHẾ**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |

**TÀI LIỆU GIỚI THIỆU LUẬT KIẾN TRÚC**

Ngày 13/6/2019, tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Kiến trúc. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

***1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý***

Ngay từ thời kỳ đầu thành lập chính quyền nhân dân và xây dựng đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định vai trò của kiến trúc trong đời sống xã hội, tại Thư gửi Hội nghị Kiến trúc sư năm 1948 có nêu “Trong 4 điều quan trọng cho dân sinh: ở và đi lại là hai vấn đề cũng cần thiết như ăn và mặc, vì vậy, việc kiến trúc là một việc rất quan hệ...”.

Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa VIII đã khẳng định xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng VIII tại Đại hội lần thứ 9 của Đảng đã chỉ rõ phải “Tăng cường công tác quy hoạch và quản lý đô thị, nâng cao thẩm mỹ kiến trúc” và “Ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng và hiệu quả quy hoạch, năng lực thiết kế xây dựng và thẩm mỹ kiến trúc. Tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc và xây dựng”, đồng thời “Chú trọng thể hiện bản sắc văn hóa Việt Nam trong các công trình xây dựng, kiến trúc mới”.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước đã xác định những nội dung lớn để định hướng phát triển nhiều lĩnh vực trong đó có việc phát triển nền kiến trúc Việt Nam.

Ngày 03/9/2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2020 (kèm theo Quyết định số 112/2002/QĐ-TTg). Đây là văn bản quan trọng, thể chế hóa sự lãnh đạo của Đảng về phát triển nền kiến trúc Việt Nam và định hướng hoàn thiện các quy định quản lý về lĩnh vực kiến trúc.

Tiếp theo đó, định hướng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước ta tại các văn bản đã nêu rõ nội dung: xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội (tại Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bổ sung và phát triển năm 2011); xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị Việt Nam có kiến trúc đô thị tiên tiến, giàu bản sắc, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống phù hợp (tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020); xây dựng nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nhân cách con người Việt Nam đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về chân, thiện, mỹ của các tầng lớp nhân dân (tại Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị khóa X về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới)…

***1.2. Cơ sở thực tiễn***

Trong tiến trình phát triển của nhân loại và các quốc gia, kiến trúc được coi là một loại hình nghệ thuật – kỹ thuật có vai trò rất quan trọng, có tính đặc thù cao và gắn bó hữu cơ với sự phát triển của lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, kinh tế-xã hội và tổ chức không gian sống của con người và xã hội. Kiến trúc mang tính khoa học, nghệ thuật, sáng tạo ra các sản phẩm là các công trình kiến trúc, môi trường cảnh quan phục vụ con người. Sáng tạo của kiến trúc sư ảnh hưởng rất lớn đến xã hội từ văn hóa đến nguồn lực kinh tế. Các công trình kiến trúc góp phần thể hiện sắc thái văn hóa riêng của mỗi quốc gia, dân tộc.

Ở Việt Nam, quá trình xây dựng và phát triển nền kiến trúc Việt Nam luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo để phát triển nền kiến trúc nước nhà có bản sắc, hiện đại, hội nhập quốc tế và xây dựng đội ngũ kiến trúc sư có đủ năng lực và điều kiện hành nghề tốt.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nền kiến trúc Việt Nam và đội ngũ kiến trúc sư đã có những bước phát triển quan trọng, có đóng góp xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật... Tuy nhiên, quá trình này đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập như: công tác quản lý kiến trúc chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tổ chức không gian, cảnh quan, kiến trúc công trình ở đô thị và nông thôn còn thiếu thống nhất, thiếu bản sắc; các điều kiện hành nghề kiến trúc chưa đầy đủ; dịch vụ tư vấn kiến trúc chưa đa dạng, chưa có nhiều tác phẩm kiến trúc đặc sắc có giá trị lớn...

Nội dung liên quan đến lĩnh vực kiến trúc đã được quy định tại một số văn bản quy phạm pháp luật như: Luật Xây dựng năm 2003, Luật Xây dựng năm 2014, Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Luật Nhà ở và các Nghị định, Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành… Tuy nhiên các quy định này còn tản mạn và chưa đầy đủ, chưa quy định các nội dung liên quan đến thẩm mỹ kiến trúc, cảnh quan đô thị, nông thôn và thiếu tính hệ thống, thiếu các quy định về quản lý chất lượng đội ngũ kiến trúc sư và quản lý công tác hành nghề kiến trúc sư.

Ví dụ như: Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 quy định về nguyên tắc tổ chức không gian kiến trúc trong nhiệm vụ quy hoạch đô thị, nghiên cứu về mô hình phát triển không gian, kiến trúc trong đồ án quy hoạch chung đô thị mới, phân khu, chi tiết và thiết kế đô thị, quy định quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị.. Tuy nhiên, các nội dung liên quan đến kiến trúc mới chỉ quy định về nguyên tắc chung, chưa có các nội dung quy định cụ thể đối với lĩnh vực kiến trúc. Luật Xây dựng năm 2014 quy định thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng, phương án kiến trúc, giải pháp kiến trúc xây dựng công trình trong dự án đầu tư xây dựng, năng lực hoạt động xây dựng trong đó gồm hoạt động kiến trúc, chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng trong đó có hành nghề kiến trúc nhưng thiếu các quy định quản lý đối với lĩnh vực đặc thù kiến trúc, đặc biệt là quy định đối với công tác quản lý hành nghề kiến trúc và nâng cao chất lượng đội ngũ kiến trúc sư. Luật Nhà ở năm 2014 có quy định về nguyên tắc kiến trúc nhà ở, yêu cầu phát triển nhà ở cá nhân, khu vực nông thôn phải bảo tồn kiến trúc nhà ở truyền thống, tuy nhiên, các quy định này mang tính nguyên tắc về kiến trúc đối với đối tượng công trình nhà ở, không mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định về kiến trúc ở các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan về kiến trúc…

Ngoài ra, trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, ngày càng đòi hỏi yêu cầu cao về chất lượng đội ngũ kiến trúc sư hành nghề trong đó có quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư và phát triển nghề nghiệp liên tục.

Do vậy, việc ban hành Luật Kiến trúc là hết sức cần thiết, tạo công cụ pháp lý có hiệu lực, hiệu quả cao, đồng bộ, thống nhất nhằm điều chỉnh toàn diện các hoạt động kiến trúc, xây dựng đội ngũ kiến trúc sư có đức, có tài, góp phần xây dựng nền kiến trúc Việt Nam hiện đại, giàu bản sắc dân tộc, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT**

**1. Mục đích**

- Tạo công cụ pháp lý có hiệu lực cao để điều chỉnh cơ bản quá trình phát triển và tạo môi trường tốt cho hoạt động kiến trúc, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về kiến trúc và hành nghề kiến trúc.

- Phát huy vai trò của kiến trúc sư, các tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc và xã hội trong hoạt động kiến trúc. Đảm bảo lợi ích của Nhà nước, nhân dân và xã hội.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

- Phù hợp và thể chế hóa định hướng lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về kiến trúc.

- Xây dựng nền kiến trúc Việt Nam hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc kế thừa và phát huy giá trị di sản kiến trúc truyền thống, phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, xã hội yêu cầu quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm trong nước và quốc tế.

- Đề xuất các chính sách quản lý nhà nước về kiến trúc, hành nghề kiến trúc và thể hiện thành quy phạm pháp luật cụ thể.

- Bảo đảm sự hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật có liên quan, xử lý tốt các vấn đề chuyển tiếp.

- Tuân thủ đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với các điều ước quốc tế liên quan và Việt Nam tham gia.

- Đảm bảo tính minh bạch, khả thi, thuận lợi trong việc tổ chức thực hiện; đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

**III. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

**1. Bố cục của Luật**

Luật Kiến trúc gồm 05 Chương và 41 Điều, cụ thể như sau:

*Chương I về Quy định chung:* Bao gồm các nội dung quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc hoạt động kiến trúc, bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc, chính sách của Nhà nước trong hoạt động kiến trúc, Ngày Kiến trúc Việt Nam, hợp tác quốc tế về kiến trúc, các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động kiến trúc.

*Chương II về Quản lý kiến trúc:* Bao gồm các nội dung quy định về kiến trúc đối với khu vực đô thị, nông thôn; quản lý thiết kế kiến trúc; quản lý đối với các công trình kiến trúc có giá trị; Quy chế quản lý kiến trúc và điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc, Hội đồng tư vấn về kiến trúc; thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng; quản lý lưu trữ tài liệu.

*Chương III về Hành nghề kiến trúc:* Bao gồm các quy định về điều kiện hành nghề kiến trúc; sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề; cấp, gia hạn, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc; quy định về việc phát triển nghề nghiệp liên tục và thực hiện quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư; quy định về hành nghề của người nước ngoài tại Việt Nam; quyền và nghĩa vụ của kiến trúc sư hành nghề, tổ chức hành nghề; giám sát tác giả, quản lý thông tin hành nghề kiến trúc…

*Chương IV về Quản lý nhà nước về kiến trúc:* Bao gồm nội dung quản lý nhà nước về kiến trúc, trách nhiệm của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp. Trong đó quy định rõ và cụ thể về những nội dung quản lý nhà nước và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

*Chương V về Điều khoản thi hành:* Bao gồm các nội dung về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến hoạt động kiến trúc, hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp. Nội dung quy định đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ các quy định trong Luật với hệ thống luật liên quan, đảm bảo cho việc triển khai thi hành Luật. Luật Kiến trúc có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

**2. Một số nội dung cơ bản của Luật**

***a) Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1) và đối tượng áp dụng (Điều 2)***

Luật này quy định về quản lý kiến trúc, hành nghề kiến trúc; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiến trúc.

Đối tượng áp dụng của Luật là cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiến trúc và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiến trúc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

***b) Về nguyên tắc cơ bản (Điều 4)***

Về nguyên tắc trong hoạt động kiến trúc: Tuân thủ Luật Kiến trúc và quy định khác của pháp luật có liên quan; phù hợp với định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn; đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống, tiếp thu chọn lọc tinh hoa kiến trúc thế giới. Xây dựng nền kiến trúc Việt Nam tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc; ứng dụng khoa học, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới phù hợp với thực tiễn Việt Nam bảo đảm hiệu quả về kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; kết hợp hài hòa lợi ích của quốc gia, cộng đồng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

***c) Về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc (Điều 5)***

Theo quy định tại Điều 5 Luật Kiến trúc, yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc đã được luật hóa, nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, trong đó có lĩnh vực kiến trúc. Đồng thời, Luật cũng quy định rõ những hoạt động được Nhà nước đầu tư, hỗ trợ và khuyến khích làm cơ sở để thực hiện quản lý kiến trúc và hành nghề kiến trúc, nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của Nhà nước và xã hội gắn với các nhiệm vụ cụ thể trong việc thúc đẩy, quản lý và phát triển nền kiến trúc Việt Nam.

***d)*** ***Chính sách của Nhà nước trong hoạt động kiến trúc (Điều 6)***

Về nội dung chính sách của nhà nước, trong hoạt động kiến trúc nhà nước đầu tư cho các hoạt động sau đây: Xây dựng định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam; Thống kê, điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động kiến trúc; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kiến trúc; Xây dựng mẫu thiết kế kiến trúc đáp ứng tiêu chí bền vững, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về kiến trúc.

Bên cạnh đó, trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách nhà nước, Nhà nước hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động sau đây: Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tổ chức khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu chính sách, nghiên cứu cơ bản về kiến trúc; Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về kiến trúc; nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới về kiến trúc; Bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình kiến trúc có giá trị chưa được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa; Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế về kiến trúc; Triển lãm, quảng bá về kiến trúc.

Nhà nước cũng có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cho các hoạt động sau đây: Hợp tác, liên kết trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ kỹ thuật và các hoạt động liên quan trong lĩnh vực kiến trúc; Xã hội hóa các dịch vụ công trong lĩnh vực kiến trúc; Trợ giúp, tư vấn miễn phí về kiến trúc vì lợi ích của xã hội và cộng đồng.

***đ) Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 9)***

Luật Kiến trúc quy định một số hành vi bị nghiêm cấm như: Cản trở hoạt động quản lý kiến trúc và hành nghề kiến trúc; Lợi dụng hành nghề kiến trúc gây ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc, trật tự xã hội, môi trường sống, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Đưa hối lộ, nhận hối lộ, thực hiện hành vi móc nối, trung gian trái pháp luật trong hoạt động kiến trúc; Tiết lộ tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước; tiết lộ thông tin kinh doanh do khách hàng cung cấp, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác; Xây dựng công trình kiến trúc không đúng với thiết kế kiến trúc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép xây dựng; Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động kiến trúc; Cung cấp tài liệu, số liệu giả hoặc sai sự thật; lập hồ sơ thiết kế kiến trúc và xây dựng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Gian lận trong việc sát hạch, cấp, sử dụng chứng chỉ hành nghề kiến trúc; Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn hoặc thiếu trách nhiệm trong quản lý kiến trúc.

***e) Về quản lý kiến trúc (Điều 10)***

- Luật đưa ra các yêu cầu về quản lý kiến trúc tại Điều 10: Tuân thủ nguyên tắc hoạt động kiến trúc quy định tại Điều 4 của Kiến trúc; bảo đảm tính thống nhất trong việc quản lý từ không gian tổng thể đến không gian cụ thể của công trình kiến trúc; bảo đảm an toàn cho con người, công trình kiến trúc và khu vực tập trung dân cư trước tác động bất lợi do thiên nhiên hoặc con người gây ra; không tác động tiêu cực đến cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị và môi trường sinh thái; bảo đảm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Hoàn thiện các quy định, yêu cầu đối với kiến trúc đô thị, nông thôn, bổ sung quy định đối với những khu vực đặc thù khác; quy định cụ thể đối với Quản lý thiết kế kiến trúc (thiết kế kiến trúc là một nội dung quan trọng có tính đặc thù trong thiết kế xây dựng, cần có quy định quản lý cụ thể).

- Bổ sung quy định *quản lý đối với công trình kiến trúc có giá trị*, đây là đối tượng quản lý kiến trúc cần được quy định đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hiện nay đang tồn tại nhiều công trình kiến trúc có giá trị, có ý nghĩa về lịch sử, văn hóa, kiến trúc… nhưng chưa được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của Luật Di sản văn hóa. Vì thế không ít công trình này đã và đang xuống cấp và bị xâm hại; việc tu bổ, phục hồi chưa phù hợp… Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do cơ sở pháp lý chưa thực sự đầy đủ. Vì vậy, để bảo tồn, phát huy giá trị kiến trúc của loại công trình này, Luật đã quy định về yêu cầu quản lý đối với công trình kiến trúc có giá trị (tại Điều 13), không chồng chéo với quy định của pháp luật về di sản văn hóa và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Bổ sung, hoàn thiện các công cụ quản lý kiến trúc như:

+ Quy chế quản lý kiến trúc: đây là công cụ quản lý kiến trúc trực tiếp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành làm cơ sở quản lý kiến trúc trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu xây dựng, cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan cho toàn bộ đô thị và điểm dân cư nông thôn.

+ Hội đồng tư vấn về kiến trúc: Hội đồng có vai trò rất quan trọng trong việc tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về lĩnh vực kiến trúc và kiến trúc của một số công trình quan trọng của Quốc gia và địa phương. Hội đồng này chỉ được thành lập khi cần thiết, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ, bảo đảm tính linh hoạt, không làm phát sinh thêm bộ máy, gây tốn kém, lãng phí.

+ Thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng: Hoàn thiện quy định về thi tuyển phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

***g) Về hành nghề kiến trúc:***

- Luật hóa và quy định cụ thể việc quản lý hành nghề kiến trúc; quy định cụ thể quy trình xét, cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo các tiêu chí cụ thể, phải đăng ký, công khai thông tin hành nghề, đảm bảo cộng đồng xã hội thụ hưởng các dịch vụ kiến trúc chất lượng cao.

- Bổ sung quy định việc kiến trúc sư hành nghề phải tuân thủ Bộ quy tắc ứng xử nghề nghiệp kiến trúc sư đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế.

- Bổ sung yêu cầu Phát triển nghề nghiệp liên tục đối với kiến trúc sư hành nghề (phù hợp với thông lệ quốc tế về hành nghề kiến trúc sư tại các nước châu Á, châu Âu, Mỹ và Hiệp hội Kiến trúc sư thế giới UIA mà Việt Nam là thành viên) quy định về Phát triển nghề nghiệp liên tục là yêu cầu bắt buộc liên tục trong quá trình hành nghề nhằm duy trì, tăng cường hoặc nâng cao kiến thức và kỹ năng của kiến trúc sư hành nghề để đảm bảo kiến thức và khả năng của họ liên quan đến nhu cầu của xã hội.

***h) Trách nhiệm quản lý nhà nước về kiến trúc:***

Luật đã quy định cụ thể các nội dung nguyên tắc, phân công cụ thể trách nhiệm Bộ, ngành và Uỷ ban nhân dân các cấp trong quản lý kiến trúc tại Chương IV.

***i) Về điều khoản thi hành***

Điều 39 của Luật Kiến trúc đã sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến hoạt động kiến trúc, cụ thể:

“1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 35/2018/QH14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 91 như sau:

“1. Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị thì phải phù hợp với quy chế quản lý kiến trúc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 93 như sau:

“a) Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt và quy chế quản lý kiến trúc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;”;

c) Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 148 như sau:

“4a. Tổ chức, cá nhân hành nghề kiến trúc thực hiện theo quy định của pháp luật về kiến trúc.”;

d) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 149 như sau:

“4. Chứng chỉ hành nghề kiến trúc thực hiện theo quy định của pháp luật về kiến trúc.”;

đ) Bãi bỏ Điều 81.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 77/2015/QH13 và Luật số 35/2018/QH14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 69 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa công trình kiến trúc, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở phải phù hợp với quy hoạch chi tiết đô thị đã được phê duyệt, quy chế quản lý kiến trúc và theo quy định của pháp luật về xây dựng.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 72 như sau:

“6. Chủ đầu tư dự án được xác định trong quyết định đầu tư có trách nhiệm quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật, không gian, kiến trúc theo quy hoạch đô thị đã được phê duyệt, quy chế quản lý kiến trúc trong phạm vi ranh giới thực hiện dự án, trừ trường hợp việc quản lý được bàn giao cho Ủy ban nhân dân.”;

c) Bãi bỏ Điều 60.

3. Thay thế cụm từ tại một số luật sau đây:

a) Thay thế cụm từ “quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị” bằng cụm từ “quy chế quản lý kiến trúc” tại khoản 2 Điều 93 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 35/2018/QH14;

b) Thay thế cụm từ “quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị” bằng cụm từ “quy chế quản lý kiến trúc” tại khoản 2 Điều 20 của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13;

c) Thay thế cụm từ “quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị” bằng cụm từ “quy chế quản lý kiến trúc” tại Điều 5, điểm e khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 1 Điều 52 của Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 77/2015/QH13 và Luật số 35/2018/QH14.

4. Bỏ cụm từ “hoặc được tuyển chọn” tại điểm d khoản 1 Điều 22 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14 và Luật số 04/2017/QH14.”

**3. Các điều kiện bảo đảm thực hiện luật (kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất)**

Luật Kiến trúc không đề xuất phát sinh về tổ chức, nhân sự. Do vậy, khi Luật Kiến trúc có hiệu lực thi hành, về cơ bản không ảnh hưởng lớn tới vấn đề tổ chức hành chính, nhân sự, các đề xuất sửa đổi, bổ sung một số ít luật không ảnh hưởng lớn tới việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Dự kiến nguồn lực bảo đảm cho việc thi hành văn bản chủ yếu gồm: Kinh phí đảm bảo tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật (chi phí cho in ấn, thông tin đại chúng, phổ biến giáo dục pháp luật…); chi phí triển khai thi hành Luật và chi phí theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất.

**4. Dự báo tác động chính sách của luật**

Luật Kiến trúc có tác động đến người dân và xã hội, cả những ưu điểm, nhược điểm và những vấn đề người dân cần lưu ý khi thực hiện sau đây:

***4.1. Chính sách 1: Quản lý kiến trúc***

Việc xây dựng Luật kiến trúc đã kế thừa, điều chỉnh, bổ sung các quy định về quản lý kiến trúc, hoàn thiện thể chế, thống nhất các quy định liên quan về quản lý kiến trúc trong các văn bản pháp luật liên quan vào Luật kiến trúc, đồng thời bổ sung các nội dung mới, bảo đảm tính quy phạm pháp luật; đủ sức điều chỉnh công tác quản lý về kiến trúc, đáp ứng được yêu cầu quản lý thống nhất, đồng bộ trong một Luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về kiến trúc.

Đánh giá tác động đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan như sau:

a) Tác động về kinh tế:

- Không có tác động tiêu cực đến sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, phát triển kinh tế xã hội.

- Tác động tốt đến môi trường đầu tư, kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Tạo ra bộ mặt đô thị hiện đại, có môi trường sống tốt, có bản sắc nhằm nâng cao giá trị các di sản, điểm du lịch thúc đẩy phát triển kinh tế.

b) Tác động về xã hội:

- Đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa đa dạng của con người; phù hợp với xu hướng công nghệ tương lai;

- Tạo ra bộ mặt, cảnh quan đô thị, công trình kiến trúc đẹp, hình thành môi trường sống tốt cho cộng đồng, hài hòa và giảm thiểu tác động tới môi trường tự nhiên.

- Phát huy vai trò chuyên môn trong tư vấn, phản biện; phát huy sự tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý kiến trúc, gắn kết cộng đồng.

- Bảo tồn, phát huy được các giá trị văn hóa, kiến trúc truyền thống.

***4.2. Chính sách 2: Hành nghề kiến trúc***

Kế thừa các quy định của các Luật liên quan đến hành nghề kiến trúc, bổ sung các nội dung mới, quy định thành một chương của Luật Kiến trúc với một số nội dung cụ thể là:

+ Quy định phạm vi, điều kiện hành nghề, các dịch vụ hành nghề kiến trúc.

+ Quy định rõ quyền, nghĩa vụ của kiến trúc sư.

+ Quy định mới, rõ ràng hơn về tiêu chuẩn kiến trúc sư hành nghề. Quy định không phân hạng chứng chỉ hành nghề kiến trúc nhằm phát huy năng lực sáng tạo của kiến trúc sư, đặc biệt là đội ngũ kiến trúc sư trẻ.

+ Đưa thêm 2 tiêu chí để kiểm soát chặt chẽ hơn quá trình hành nghề kiến trúc là Phát triển nghề nghiệp liên tục và Đạo đức hành nghề, là điều kiện để gia hạn chứng chỉ hành nghề của kiến trúc sư. Xây dựng các quy tắc về kiểm soát quá trình phát triển nghề nghiệp liên tục, các tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.

+ Quy định chứng chỉ năng lực của tổ chức hành nghề kiến trúc: có cá nhân chịu trách nhiệm chuyên môn về kiến trúc và chủ trì thiết kế kiến trúc đã có chứng chỉ hành nghề của kiến trúc sư.

+ Xã hội hóa công tác đào tạo, sát hạch hành nghề kiến trúc, phát triển nghề nghiệp liên tục và Đạo đức hành nghề.

Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan như sau:

a) Tác động về kinh tế:

Tác động tích cực cho đến môi trường đầu tư, điều kiện kinh doanh, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Tạo lập môi trường công khai, minh bạch trong hoạt động hành nghề, các dịch vụ, sản phẩm kiến trúc có chất lượng cao sẽ mang lại lợi ích to lớn cho xã hội, phát triển du lịch, thúc đẩy phát triển kinh tế. Có phát sinh chi phí nhất định cho các công tác sát hạch việc cấp chứng chỉ hành nghề, công tác đào tạo phát triển....

b) Tác động về xã hội:

Có tác động tích cực về nâng cao nhận thức cộng đồng xã hội về kiến trúc. Góp phần bảo tồn, phát huy được các giá trị văn hóa, kiến trúc truyền thống. Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo cơ hội và nhu cầu mới về việc làm, đẩy mạnh sự tiếp cận của cộng đồng xã hội đối với các dịch vụ kiến trúc chất lượng, góp phần vào thực hiện công bằng xã hội, xây dựng môi trường sống lành mạnh, văn minh.

**5. Triển khai hoạt động thi hành luật (ban hành văn bản hướng dẫn; tổ chức quán triệt, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân)**

Hiện nay, Bộ Xây dựng đang chủ trì tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định của Thủ tướng ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Kiến trúc, trong đó có một số nội dung trọng tâm gồm:

(1) Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật và tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã ban hành có liên quan đến Luật Kiến trúc; đề xuất hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm phù hợp, thống nhất với Luật Kiến trúc.Trong đó nêu rõ những nội dung Bộ Xây dựng, các Bộ ngành, địa phương tổ chức triển khai thi hành và thời gian thực hiện, hoàn thành.

(2) Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật, gồm:

a) Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật (01 văn bản):

+ Thời gian dự kiến trình Chính phủ: Tháng 3 năm 2020.

- Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam:

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Xây dựng;

+ Cơ quan phối hợp: Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp, các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan;

+ Thời gian thực hiện: dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ tháng 12/2020;

+ Tổ chức thực hiện; rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung theo quy định pháp luật.

b) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật (02 văn bản):

Gồm:

- Thông tư quy định chi tiết hồ sơ thiết kế kiến trúc;

- Thông tư quy định về mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Xây dựng;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

+ Thời gian dự kiến hoàn thành: Tháng 5 năm 2020.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu về kiến trúc và hành nghề kiến trúc trong cả nước:

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Xây dựng;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan;

+ Thời gian dự kiến hoàn thành: Từ năm 2019 và các năm tiếp theo, đáp ứng yêu cầu quản lý, phát triển ngành.

d) Xây dựng mẫu thiết kế kiến trúc đáp ứng tiêu chí bền vững, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả:

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Xây dựng;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan;

+ Thời gian dự kiến hoàn thành: Từ năm 2019 và các năm tiếp theo, đáp ứng yêu cầu quản lý, phát triển ngành.

e) Văn bản do địa phương chủ trì xây dựng:

(1) Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị chuyển đổi sang Quy chế quản lý kiến trúc:

+ Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan;

+ Thời gian dự kiến hoàn thành: 31/12/2021.

(2) Quy chế quản lý kiến trúc:

+ Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan;

+ Thời gian dự kiến hoàn thành: Từ 01/7/2020 và các năm tiếp theo.

f) Văn bản do tổ chức xã hội - nghề nghiệp chủ trì xây dựng và ban hành:

Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề:

+ Cơ quan chủ trì: Hội Kiến trúc sư Việt Nam, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hành nghề kiến trúc;

+ Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan;

+ Thời gian dự kiến hoàn thành: 01/9/2020./.

-------------------------